

# BÀN VỀ ĐÀO TẠO ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC SÂN KHẤU

PHẠM DUY KHUÊ\*

**Tóm tắt:** Trong nền văn hoá của mỗi quốc gia, dân tộc, thẩm mỹ là phạm trù trung tâm, mà nghệ thuật là biểu hiện cao nhất. Vì thế, để tiếp tục định hướng cho sự phát triển văn học, nghệ thuật trước yêu cầu mới, cần phải thường xuyên xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật. 15 năm qua, ngành văn hoá Việt Nam đã phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo được nhiều nhà khoa học – trí thức văn nghệ sĩ (trình độ thạc sĩ, tiến sĩ) cho các loại hình nghệ thuật, trong đó có nghệ thuật sân khấu. Tuy nhiên, bởi nhiều lý do, mà đội ngũ lý luận – phê bình nghệ thuật chưa được bổ sung kịp thời. Khắc phục tình trạng đó là nhiệm vụ vừa trước mắt, vừa lâu dài của các ngành nghệ thuật nói chung, sân khấu nói riêng.

**Từ khóa:** quốc gia, văn hóa, đội ngũ, phê bình, nghệ thuật

**Abstract:** In the culture of each country and nation, aesthetics is the central category, of which art is the highest expression. Therefore, to continue to orient the development of literature and art in the face of new requirements, it is necessary to regularly build and develop literature and art. Over the past 15 years, Vietnam's cultural sector has been discovering, fostering and training many scientists, intellectuals, and artists (at master's and doctorate levels) for all types of art, including theater art. However, for many reasons, the art theory and criticism team has not been supplemented in time. Overcoming that situation is both an immediate and long-term task for the arts in general and theater in particular.

**Keywords:** country, culture, team, criticism, art



Nhìn lại thực tế đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ thời vàng son (1956 – 1986), gồm hai thế hệ kế tiếp nhau, đã được nhà nước đào tạo khá toàn diện, tại tất cả các chuyên ngành hẹp của đời sống sân khấu và sân khấu học. Đó là một đội ngũ đông đảo về số lượng, chính quy, cập nhật chất lượng cao về kiến thức sân khấu học thế giới và dân tộc. Rồi đến lượt mình, từng văn, nghệ sĩ ra sức tự học, tích cực trải nghiệm trong thực tiễn nghiên cứu, sáng tạo

và đã trưởng thành vượt bậc. Chính họ đã làm nên sự hưng thịnh đồng bộ của nền Sân khấu Cách mạng Việt Nam, với một đội ngũ tác gia đông đảo của tất cả các thể loại. Họ đã sáng tạo ra rất nhiều tác phẩm nổi tiếng, phản ánh cái hiện thực cách mạng Việt Nam, thời đại Hồ Chí Minh, xây dựng xã hội chủ nghĩa và chống giặc ngoại xâm giải phóng đất nước, tạo nên một hiện thực Việt Nam, mà có người nước ngoài bảo đó là hiện thực của một đất nước ra ngỗ

*gặp anh hùng*. Nghệ thuật sân khấu thuở ấy đã tương đồng và xứng đáng với nó, bằng những tác phẩm hay, được dàn dựng và biểu diễn phục vụ nhân dân.

Trước tiên, xin nêu ví dụ về các vở kịch nói. Đó là những vở *Cách mạng* của Nguyễn Khải, *Vàng* của Thanh Hương, *Dòng sông ám ảnh* của Hồng Phi, *Đầu sóng ngọn gió* của Nguyễn Hồng, *Rổ cá chim* của Huỳnh Chinh, *Giáo sư Hoàng* của Bửu Tiên, *Một Đảng viên* của Học Phi, *Nhật ký địa chất* của Thiết Vũ, *Tiếng khèn người Mông* của Bế Dôn, *Đội kịch chim Chèo Béo* của Nguyễn Văn Niêm, *Con Nai đen*, *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*, *Rừng Trúc* của Nguyễn Đình Thi, *Chị Nhàn*, *Đại đội trưởng của tôi*, *Nổi gió* của Đào Hồng Cẩm; *Tiền tuyến gọi* của Trần Quán Anh, *Bạch đàn liễu*, *Đợi đến mùa xuân*, *Mùa hè ở biển* của Xuân Trình; *Hà Mi của tôi* của Doãn Hoàng Giang, *Cô gái đội mũ nỉ xám*, *Tôi và chúng ta*, *Lời thề thứ 9*, *Hồn Trương Ba da hàng thịt*, *Người tốt nhà số 5*, *Ông không phải bố tôi* của Lưu Quang Vũ; *Đất đầu cầu* của Kính Dân, *Cửa mở hé* của Lưu Trọng Lư và Lộng Chương, *Quần* của Lộng Chương,

*Huế mùa xuân* của Lưu Trọng Lư, *Nhân chứng và lịch sử*, *Đêm Hải Phòng* của Hoài Giao, *Mười đóa phong lan*, *Bài ca Điện Biên* của Tất Đạt, *Thói cũ*, *Bức tranh mùa gặt* của Trần Vượng, *Hồn thơ Ngọc* của Lê Duy Hạnh, *Núi rừng nổi dậy* của Thái Thụy Khuê và Lương Quy Nhân; mấy chùm kịch ngắn của Nguyễn Vũ (Ngô Y Linh): *Đâu có giặc là ta cứ đi*, *Những viên đạn đầu tiên*, *Nàng bắn lên*, *Ngọn lửa*, *Đất*, *Nước*, *Mùa Xuân* và vở *Tình ca*; vở *Đồng chí* của Chu Nghi, *Đỉnh cao phía trước* của Tào Mạt, *Người ven đê* của Minh Khoa, *Ngoài giới hạn* của Vương Lan, *Đôi mắt* của Vũ Dũng Minh, *Bốn người còn lại* của Chu Lai, *Sân ga chiến tranh* của Nguyễn Đình Chính, *Người đàn bà mộng du* của Hà Đình Cẩm, *Chúng chỉ thời gian* của Xuân Đức, *Nỗi đau hạnh phúc* của Hồ Hải Học, *Mùa hạ cay đắng* của Nguyễn Quang Lập, *Khoảng trống* của Nguyễn Anh Biên, *Kẻ sĩ Thăng Long* của Nguyễn Khắc Phục, *Những con đường trần gian* của Lê Thu Hạnh, *Nhật nguyệt hai vai* của Nguyễn Thị Minh Ngọc; v.v... Cùng với những vở kịch nói do các tác giả trong nước viết phản ánh con người và hiện



Cảnh trong vở kịch *Hồn Trương Ba da hàng thịt*



Cảnh trong vở chèo *Quan âm thị Kính*

thực Việt Nam, còn tuyển chọn, dàn dựng và biểu diễn trên sân khấu Việt Nam một số vở kịch nổi tiếng của nước ngoài, được công chúng và giới sân khấu nước nhà hưởng ứng và hâm mộ; chẳng hạn như các vở: *Tất cả đều là con tôi*, *Cái chết của người chào hàng* của Arthur Miller (Mỹ); *Lôi vũ* của Tào Ngu (Trung Quốc), *Đứng gác dưới ánh đèn neon* của các tác giả: Thẩm Tây Mông, Mạc Ngạn, Lã Hưng Thần (Trung Quốc); *Liubov Iarovaia* (Liuba) của tác giả Torenhiov; rồi bộ ba vở kịch của tác giả N. Pogodin: *Chuông đồng hồ Điện Kremli*, *Người cầm súng*, *Khúc thứ ba bi tráng*; *Cô gái đánh trống trận* của tác giả Salunxky; *Vụ án người đốt đèn Herostratus* của tác giả Grigoy Gorin; *Câu truyện Ircusk* của Arbuzov, v.v...

Sân khấu chèo cách mạng cũng nổi lên một số vở như: *Chị Tám anh Điền* - 1953, của các tác giả: Thế Lữ, Lưu Quang Thuận, Song Kim, Hàn Thế Du và vở *Mối tình Điện Biên* - 1954, của Lưu Quang Thuận; hai vở diễn này tuy còn ấu trĩ về nghệ thuật chèo với hiện thực mới, nhưng chúng có giá trị phục vụ kịp thời và được bộ đội và công chúng thích thú. Tiếp theo là các

vở chèo: *Chị Trâm* (1953), tác giả Trần Bảng, Hồng Lục; *Em bé miền Nam* (1955), tác giả Lưu Quang Thuận; *Con trâu hai nhà*, *Đường đi đôi ngã*, *Máu chúng ta đã chảy*, *Tình rừng*, *Cô gái và anh đô vật*, *Chuyện tình 80* của tác giả - đạo diễn - nhà nghiên cứu chèo Trần Bảng; *Hương lúa tình quê*, *Chuyến đò sông Mã*, *Mai An Tiêm*, *Biển Đông nổi giận* của tác giả Hàn Thế Du; *Cô gái phóng*, *Lót đường kéo pháo*, *Tô Hiến Thành* của tác giả - nhà nghiên cứu sân khấu Hà Văn Cầu; *Cô gái sông Lam* của Nguyễn Trung Phong; *Những cô gái làng chài* của tác giả Anh Thơ - Thuỳ Linh; *Những nẻo đường hoa* của tác giả Lộng Chương; *Chị Tâm bến Cốc*, *Sông Trà Khúc*, *Nguyễn Viết Xuân* của tác giả Tào Mạt; *Sokuntola* - tác giả Hoài Giao (chuyển thể từ truyện thơ Kalidat của Ấn Độ); *Trung Trắc* của tác giả Đặng Đình Lưu; *Dương Vân Nga* của tác giả Trúc Đường; *Đảo Ngọc* của Tất Thọ; *Cuội* của tác giả Lưu Quang Vũ; *Vòng phần Kavkaz* của Bertolt Brecht, kịch bản chèo của Vinh Mậu; *Hoàng tử có đôi tai bò* của Vũ Đình Phòng;... Ngoài ra, còn chỉnh lý và dàn dựng lại một số vở chèo truyền thống như:



*Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình – Dương Lễ, Suý Vân* (Ban Nghiên cứu Chèo cải biên tích cổ Kim Nham), *Trinh Nguyên* (từ tích *Tôn Mạnh, Tôn Trọng*), *Từ Thức gặp tiên* ...

Về thể loại nghệ thuật tuồng (có ba dòng: tuồng thầy, tuồng đồ - tuồng hài và tuồng truyện: mượn các tích từ tiểu thuyết, lịch sử, dã sử, ... của Trung Quốc), nổi lên một số vở kinh điển, thể hiện rõ thi pháp nghệ thuật tuồng truyền thống là: *Ngon lửa Hồng Sơn* hay *Tam nữ đồ vương, Sơn hậu, Triệu Đình Long cứu chúa, Lý Phụng Đình, Đào Phi Phụng, Trinh Đông Trinh Tây, Nghêu, Sò, Ốc, Hến, Trương đồ nhục*, v.v... Tuồng truyền thống sớm trở thành thể loại sân khấu *bác học*, với phương pháp thể loại của nó là *hiện thực tả thân*, từ thế kỷ XVIII đã được triều đình nhà Nguyễn công nhận là quốc kịch với những tác giả - nhà kiến tạo nổi tiếng của nghệ thuật tuồng truyền thống, đó là: Đào Duy Từ, Đào Tấn, Nguyễn Hiền Đình, Tống Phước Phổ. Từ truyền thống vĩ đại ấy, tuồng đi vào hiện thực cách mạng và kháng chiến chống giặc cứu nước, cũng dần dần có được những vở diễn ít nhiều tương thích với hiện thực thời đại mới, chẳng hạn như các vở: *Tình mẹ, Suối đất Hoa, Trưng nữ Vương, Đẻ Thám, Hoàng hôn đen*...

Còn thể loại sân khấu cải lương, mãi cuối thập niên 20 của thế kỷ trước mới ra đời ở Nam bộ. Sau Hội nghị Tranh luận Sân khấu, ngày 20, 21 và 22 tháng 3 năm 1950 ở Việt Bắc, do Ban Thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam và đoàn Sân khấu Việt Nam phối hợp tổ chức, anh chị em nghệ sĩ Nam, Bắc tập trung về Thanh Hoá, học tập Đường lối Văn hoá Văn nghệ của Đảng, *sóc lại* tư tưởng, cùng nhau bàn bạc, chỉnh lý, thống nhất nâng cao, kể cả việc cách tân có thể, ở tất cả mọi khâu, mọi thành phần cấu thành nghệ thuật cải lương, đặng lãnh mệnh hoá và cách mạng hoá nó. Và vào đầu những năm 60, vở diễn cải lương đầu tiên phản ánh đề tài hiện thực cách mạng, có tên gọi là *Đời cô Lựu*, kịch bản của soạn giả Trần Hữu Trang, được khán giả Thủ đô Hà Nội và các địa phương rất hoan nghênh. Sau vở diễn *Đời cô Lựu*, khuynh hướng tư tưởng, nghệ thuật của thể loại cải lương đã rõ, Trần Hữu Trang cùng các tác giả khác cho ra đời hàng loạt vở diễn mới, chững trạc và cách tân như: *Tô Ánh Nguyệt, Lan và Diệp, Trưng Vương* của Việt Dung, *Kiều Nguyệt Nga* của Ngọc Cung, *Dệt gấm* (kịch bản và đạo diễn Chi Lăng; *Thái hậu Dương Vân Nga* của tác giả Trúc Đường; *Máu thấm đồng Nọc Nạn, Kêu*



Cảnh trong vở tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*



Cảnh trong vở cải lương *Đời cô Lựu*

*cứu, Trắng hoa mai* của tác giả - đạo diễn Đào Mộng Long, *Lương Sơn Bá – Chúc Anh Đài*, Tuần Hợp phóng tác từ tiểu thuyết của Trung Quốc ....

Rõ ràng, đội ngũ tác gia của 4 thể loại nêu trên thật tài năng và đông đảo. Có thể hiển thị (dẫu chưa đầy đủ) đội ngũ các đạo diễn và các nhà khoa học (các nhà sân khấu học), được đào tạo chính quy, hệ thống, đồng bộ, kỹ lưỡng ở trong nước và ngoài nước.

Còn về đội ngũ các nhà nghiên cứu, Lý luận, Phê bình sân khấu thuở ấy, cũng được Đảng và Nhà nước đặc biệt ưu tiên đào tạo. Năm 1960, trường Sân khấu Việt Nam mở lớp dài hạn, đào tạo hệ chính quy cán bộ Nghiên cứu, Lý luận, Phê bình nghệ thuật sân khấu. Đến tháng 6 năm 1965 lớp Nghiên cứu Lý luận, Phê bình tốt nghiệp ra trường. Những anh chị em do các địa phương cử đi học, họ trở về địa phương mình tiếp tục công tác. Số còn lại,

khoảng 10 anh chị em trẻ, được phân công làm việc tại các cơ sở trong ngành ở Trung ương. Họ đều *thạo nghề* và thành đạt trong hoạt động chuyên nghiệp của mình. Sau một số năm công tác, có 4 người trong số họ, được Nhà nước gửi đi nước ngoài đào tạo ở cấp học cao hơn.

Bên cạnh những trí thức trẻ, nhiều nhà Nghiên cứu Lý luận, Phê bình sân khấu giỏi tiếng Pháp, văn Hán Nôm đã từng hoạt động thực tiễn, nghiên cứu, sáng tác, tự học nhiều năm tại các thể loại kịch hát dân tộc: tuồng, chèo, cải lương... nên họ làm việc rất xuất sắc. Có người hoạt động ở cả ba khâu: viết kịch bản, đạo diễn, nghiên cứu lý luận, thậm chí viết cả phê bình như Giáo sư Hoàng Châu Ký, Tổng Phước Phổ, Xuân Yên, GS, NSND Trần Bảng, PGS Hà Văn Cầu, GS, TS, NSND. Nguyễn Đình Quang....

Các nhà nghiên cứu tuồng gạo cội có giáo sư Hoàng Châu Ký, Nhà nghiên cứu Mịch Quang, Lê Ngọc Cầu, Phạm Phú Tiết, Vũ Ngọc Liên, Nguyễn Thị Nhung, NSND. Nho Túy, NSND. Sáu Lai, nhà nghiên cứu Tổng Phước Phổ.

Các nhà nghiên cứu chèo có công trình quan trọng để lại như: PGS. Hà Văn Cầu, GS. NSND, đạo diễn Trần Bảng, nhà nghiên cứu Trần Việt Ngữ, nhà nghiên cứu, nhạc sĩ Bùi Đức Hạnh, nhà nghiên cứu, nhạc sĩ Hoàng Kiều, nhạc sĩ nghiên cứu âm nhạc chèo Đôn Truyền...

Đội ngũ các họa sĩ thiết kế mỹ thuật chuyên nghiệp của sân khấu ở giai đoạn này cũng đông đảo, trong đó nổi lên những điển hình như Nguyễn Hồng, Nguyễn Đình Hàm, Phùng Huy Bính, Lương Đổng, Đỗ Doãn Châu, Bùi Huy Hiếu, Phan Phan, Lê Huy Quang, Hoàng Tuyển, Vương Duy Biên, Hoàng Song Hào, Hà Quang Sơn, Đường Tài, Đoàn Thị Tinh, Trần Lưu Hậu, Lê Văn ngoại, Sĩ Ngọc, Bùi Xuân Phái, Trần Phênh....

Phần lớn đội ngũ trí thức văn, nghệ sĩ sân khấu nêu trên đã, đang lần lượt ra đi; còn lại mấy nhà Lý luận, Phê bình, thuộc thế hệ thứ

ba, nay đã vào tuổi 80 - ngoài 80 vẫn còn *ráng sức làm được gì thì làm*, đó là PGS. Nguyễn Tất Thắng PGS.TS. Phạm Duy Khuê, PGS. TS. Trần Trí Trắc...

Thực tế lịch sử sân khấu nước nhà cho thấy, nếu dừng lại, không được tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, tự học, tự đào tạo, tự trải nghiệm một cách tích cực, thì chẳng bao lâu, nhà sân khấu học sẽ trở nên lạc hậu, dấu anh ta có là kịch tác gia giỏi, nhà đạo diễn xuất sắc, nghệ sĩ biểu diễn tài năng, họa sĩ thiết kế mỹ thuật thiện nghệ, đạo diễn ánh sáng hiện đại tài ba... Bởi vậy, người xưa mới có câu rằng: *Văn ôn, võ luyện* là như thế! Còn Stanislavsky – nhà sư phạm lỗi lạc, đạo diễn và diễn viên xuất sắc, nhà lý luận sân khấu học vĩ đại của sân khấu Xô Viết và thế giới nửa đầu thế kỷ XX đã từng xác định: “sân khấu là đời sống, là thánh đường của nghệ thuật; tiêu chuẩn duy nhất để đánh giá một kịch bản là đời sống; và tiêu chuẩn duy nhất để đánh giá một vở diễn là sức hấp dẫn của nó đối với người xem”. Mà đời sống thì không bao giờ dừng lại.

Xưa nay, đối tượng phản ánh *duy nhất* của văn học, nghệ thuật, nói chung, nghệ thuật sân khấu, nói riêng là hiện thực đời sống, mà trung tâm của hiện thực là đời sống con người. Con người đương đại (ngày nay) là con người thực thể *cá nhân*, mỗi con người là một *thế giới*, có đời sống nội tâm đa dạng, phong phú, phức tạp, nó tự khẳng định mình trước xã hội bằng ý chí, tài năng, đạo đức, nhân cách, lối sống, khả năng tiếp thu ngoại giới, khả năng cảm xúc, khả năng hành động của mình. Tất cả những phẩm chất ấy được tạo sinh bởi những quan hệ xã hội đương đại. Nhận thức sâu sắc về hiện thực và con người đương đại, một lần nữa Bộ Chính trị lại nhắc nhở và nhấn mạnh: “Tài năng văn học, nghệ thuật là vốn quý của dân tộc. Chăm lo phát hiện, bồi dưỡng, quý trọng và phát huy các tài năng văn học, nghệ thuật là trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của Đảng, Nhà nước và của các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp.

Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi phát huy tính dân tộc, khơi dậy mọi nguồn lực sáng tạo của văn nghệ sĩ, người chiến sĩ xây dựng và phát triển nền văn nghệ tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ...”<sup>(1)</sup>.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, 15 năm nay (2008 – 2023), mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thách thức; song, tiếp tục truyền thống nêu trên, ngành Văn hoá đã đào tạo cho các thể loại nghệ thuật sân khấu cả nước hàng trăm thạc sĩ và hàng chục tiến sĩ sân khấu. Các thạc sĩ sân khấu đều là những nghệ sĩ biểu diễn, sau khi tốt nghiệp học vị thạc sĩ, họ trở về đơn vị tiếp tục làm công tác chuyên môn, hoặc làm giảng viên dạy kỹ xảo nghệ thuật biểu diễn... Còn những nghiên cứu sinh, sau khi tốt nghiệp học vị tiến sĩ, trở về đơn vị, phần lớn làm đạo diễn hoặc được giao nhiệm vụ làm công tác quản lý. Chính đội ngũ trí thức này đã góp phần không nhỏ cho sân khấu nước nhà để không bị chìm sâu hơn trong cuộc khủng hoảng đang hiện hữu.

Tuy nhiên, mỗi thành viên của ngành sân khấu, nhất là các nghệ sĩ trẻ, cần nhận thức sâu sắc và thực sự giác ngộ về những yếu kém, khuyết điểm trong hoạt động văn học, nghệ thuật thời gian qua, mà Đảng đã chỉ ra một cách xác thực, đầy đủ và minh triết: “Trong sáng tác, biểu diễn, truyền bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật còn không ít tác phẩm và hoạt động chưa thể hiện được tính chất tiên tiến và bản sắc dân tộc. Số lượng tác phẩm ngày càng nhiều song còn ít tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Trong một số tác phẩm, lý tưởng xã hội – thẩm mỹ không rõ nét, ý nghĩa xã hội còn hạn hẹp. Một số văn nghệ sĩ còn hạn chế trong tiếp cận và nhận thức những vấn đề mới của cuộc sống, chưa cảm nhận đầy đủ ý nghĩa, chiều sâu và tính phức tạp của quá trình chuyển biến mang tính lịch sử trong thời kỳ mới của đất nước. Có biểu hiện xa lánh những vấn đề lớn lao của đất nước, chạy theo các đề

(1). Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá X) “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”.



tài nhỏ nhất, tâm thường, chiều theo thị hiếu thấp kém của một bộ phận công chúng, hạ thấp chức năng giáo dục, nhấn mạnh một chiều chức năng giải trí...”<sup>(2)</sup>.

Sở dĩ, có những yếu kém, khuyết điểm mà Nghị quyết 23- NQ/ TW của Đảng đã chỉ ra, liên hệ vào ngành sân khấu:

Trước hết là đội ngũ tác giả văn học kịch (những người viết kịch bản): tác giả gạo cội chẳng còn ai, phần lớn là tác giả trẻ, chưa thực sự có trình độ chuyên nghiệp, lại có hạn chế về ngoại ngữ, nên không có nhiều điều kiện để tiếp cận, cập nhật kiến thức văn học kịch mới của kịch học thế giới và những kinh nghiệm thực tế sáng tác của họ; mặt khác, không có điều kiện, không tự tạo điều kiện đi thực tế thâm nhập vào những lĩnh vực đời sống cần tìm hiểu, phát hiện, cảm thức và cảm hứng để phản ánh. Chưa kể đến, một bộ phận trong số họ quá sớm tự phụ, tự mãn với vài thành quả ban đầu của mình, hoặc một số đã cố tình né tránh những vấn đề nóng bỏng của đời sống đương đại mà nhân dân đang quan tâm; đặc biệt họ quá ít quan tâm, đi sâu tìm hiểu về con người đương đại – con người được tạo sinh, được tổng hoà bởi những mối quan hệ xã hội do cuộc cách mạng công nghệ 4.0 tạo sinh ra và kế thừa từ truyền thống,... Một nền sân khấu quá hiếm, hoặc thậm chí không có một *kịch bản hay*, thì dù đạo diễn và các thành phần nghệ thuật, các yếu tố kỹ thuật tham gia xây dựng vở diễn cố bày ra bao nhiêu *trò diễn phù thuỷ*, thì cũng chỉ có thể đem lại cho người xem ít phút giải trí, những phút giây ấy qua đi, trong lòng họ trống rỗng, chẳng còn gì hấp dẫn nữa. Một nền nghệ thuật sân khấu như thế thật đáng xấu hổ với nhân dân và chỉ để lại cho *thương trường nghệ thuật* một nỗi thẹn thùng.

Còn đội ngũ diễn viên, họ là thành phần trung tâm của nghệ thuật sân khấu; mỗi diễn viên đóng vai kịch trên sân khấu, thì chính anh

(chị) ta là *tác giả* của vai kịch mình đóng. Đóng vai kịch trên sân khấu, diễn viên phải trải qua 5 quá trình sáng tạo liên tục: Nắm vững, hiểu biết sâu sắc, đầy đủ đời sống nhân vật (vai kịch) được tác giả khắc hoạ một cách ước lệ trong kịch bản, với ba bộ mặt: bộ mặt xã hội, bộ mặt tâm lý – tính cách, bộ mặt hình thể, cùng với ba khả năng: khả năng tiếp thu ngoại giới, khả năng cảm xúc, khả năng hành động và hạt nhân của nhân vật, đó là mục đích sống (lý tưởng, khát vọng, dực vọng sống) của nhân vật. Giai đoạn ba là sáng tạo ra ngôn ngữ (hành động hình thể) mới thật sự tương thích với toàn bộ đời sống nội tâm, ngoại hình của nhân vật. Bước thứ tư là diễn xuất thể hiện toàn bộ tỉ mỉ, chi tiết đời sống nhân vật trong sự phối kết hợp với ngôn ngữ sáng tạo - thể hiện đời sống nhân vật của các thành phần nghệ thuật và các yếu tố kỹ thuật cùng tham gia sáng tạo, xây dựng vở diễn. Và bước cuối cùng (khó khăn, tinh tế và điều luyện) là bước hoạt động tâm linh, bao trùm lên tất cả 5 quá trình, là tranh thủ triệt để giao lưu với khán giả, ngầm khơi gợi, kích thích trí tưởng tượng sáng tạo – đồng sáng tạo nơi họ, đồng thời, phải giữ được bền vững, liên mạch cảm thức, suy cảm thăng hoa, thậm chí xuất thần nơi người diễn viên đóng vai, dâng hữu thức và vô thức *bật ra* sự ứng tác và ứng diễn nơi người diễn viên. Để thực hiện được “diễn viên là tác giả của vai kịch mình đóng” (Stanislavsky), họ thực sự phải là trí thức đích thực, ngoài năng khiếu ra, họ phải học suốt đời.

Còn về những người làm công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình sân khấu, 15 năm qua, tới nay, thật sự không còn đội ngũ, đúng như Nghị quyết của Đảng đã xác định: “Đội ngũ lý luận, phê bình vừa thiếu, vừa bị hụt hẫng thế hệ kế cận, phân bố không đều ở các ngành nghệ thuật”. Cụ thể là: các trường đại học Sân khấu - Điện ảnh và các trường Văn hoá và Nghệ thuật trong cả nước, hơn hai chục năm nay chưa có một cơ sở đào tạo nào có một ai đăng ký tuyển

(2). Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá X) “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”.

sinh học nghiên cứu, lý luận, phê bình sân khấu. Tuồng, chèo, kịch nói, cải lương hiện tại không còn ai làm công tác nghiên cứu. Có thể thấy rằng, Lý luận, Phê bình văn học, nghệ thuật sân khấu thật sự quá thiếu và yếu. Những người có nghề đích thực, túc tắc hoạt động lâu nay thì

đã đến tuổi ngoài 80. Nếu Đảng và Nhà nước không có cơ chế, chính sách đặc thù để đào tạo, thì chỉ dăm bảy năm nữa, đội ngũ này sẽ thực sự là khoảng trống. Dẫn đến sự thiếu đồng bộ của nghệ thuật sân khấu trong quá trình phát triển, đáp ứng hiện thực hiện đại.

*\* PSG. TS, Nghiên cứu Nghệ thuật sân khấu*

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá X) “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”.
2. PGS.TS. Nguyễn Thế Kỳ, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương: Đề dẫn đọc tại Khai mạc cuộc Hội thảo khoa học toàn quốc, Hà Nam, 19/12/ 2022.

*Ngày tòa soạn nhận được bài 15/10/2023; Ngày phản biện đánh giá 31/10/2023*

*Ngày chấp nhận đăng 5/11/2023; Ngày đăng: 1/12/2023*